

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Nam,
tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên đại bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 10-TB/TU ngày 28/10/2020 của Thường trực Tỉnh ủy Bắc Giang kết luận về Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000);

Căn cứ Công văn số 47-CV/TU ngày 23/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về việc cho ý kiến Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Nam đến năm 2040.

Theo đề nghị Sở Xây dựng tại Báo cáo số 41/BC-SXD ngày 16/12/2020; UBND huyện Lục Nam tại Tờ trình số 244/TTr-UBND ngày 10/2/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/25.000 (kèm theo hồ sơ và bản vẽ), với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí và phạm vi nghiên cứu.

a) Vị trí, phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch vùng huyện Lục Nam bao gồm toàn bộ phạm vi địa giới hành chính huyện Lục Nam; ranh giới nghiên cứu được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;

- Phía Nam: Giáp thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương và thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh;

- Phía Đông: Giáp huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động;
- Phía Tây: Giáp huyện Lạng Giang và huyện Yên Dũng.

b) Quy mô:

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 608,6 km²;
- Dân số hiện trạng toàn huyện đến hết năm 2020 khoảng 228.986 người (trong đó: Đô thị là 28.439 người; Nông thôn là 200.547 người; tỷ lệ đô thị hóa là 12,42%), dự báo quy mô dân số đô thị qua các giai đoạn như sau:
 - + Đến năm 2030 khoảng: 278.000 người (trong đó: Đô thị là 71.000 người; Nông thôn là 207.000 người; tỷ lệ đô thị hóa khoảng 21,6%);
 - + Đến năm 2040 khoảng: 337.000 người (trong đó: Đô thị là 107.000 người; Nông thôn là 230.000 người; tỷ lệ đô thị hóa khoảng 32%).

2. Tính chất.

Là trung tâm Chính trị - Kinh tế - Văn hóa - Xã hội, Khoa học - Kỹ thuật, Giáo dục - Đào tạo, dịch vụ du lịch sinh thái - văn hóa, lễ hội, là một trong các trung tâm phát triển dịch vụ vận tải, công nghiệp, nông nghiệp sản xuất hàng hóa chất lượng cao và đô thị thuộc tiểu vùng trung tâm của tỉnh Bắc Giang. Là khu vực liên kết với các tỉnh Lạng Sơn, Hải Dương và Quảng Ninh của tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra huyện Lục Nam còn có vai trò quan trọng về Quốc phòng an ninh của Vùng thủ đô và là đầu mối giao thông đường bộ, đường thủy của tỉnh.

3. Mục tiêu.

- Cụ thể hóa mục tiêu của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, từ đó đưa ra những dự báo và định hướng chiến lược nhằm phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh và những đặc thù của huyện. Khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, các thế mạnh về nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch và lâm nghiệp, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa khu vực đô thị và nông thôn;

- Hoàn thành mục tiêu huyện đạt chuẩn huyện nông thôn trong năm 2025;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Hoàn thành mục tiêu huyện Lục Nam đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025;

- Đề xuất quy hoạch tổ chức không gian đô thị, dân cư nông thôn, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, thể dục thể thao, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; Xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững;

- Hình thành các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gắn với các thị trấn, trung tâm xã, các cụm công nghiệp gắn kết thuận lợi với hệ thống hạ tầng khung, đảm bảo phục vụ cho tiểu vùng trong huyện nhằm phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ gắn với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn trong tiểu vùng.

4. Dự báo về nhu cầu đất đai.

- Đất xây dựng đô thị: 1.200- 1.500ha năm 2030 và 2.100- 2.300ha năm 2040.

- Đất đơn vị ở: Giai đoạn đến năm 2030, diện tích đất đơn vị ở đô thị dự báo cần thêm khoảng 337ha, bình quân 75m²/người; nông thôn dự báo cần thêm khoảng 108ha, bình quân 100m²/người. Giai đoạn đến năm 2040, diện tích đất đơn vị ở đô thị tăng thêm là 1.242ha bao gồm đất các khu vực hiện trạng và đất các khu vực đã lập quy hoạch, bình quân 90m²/người; nông thôn khoảng 839ha, bình quân 120m²/người.

- Đất khu, cụm công nghiệp: Tổng cộng khoảng 2.188ha, trong đó:

+ Giai đoạn đến 2030: khoảng 968ha;

+ Giai đoạn đến 2040: khoảng 1.034ha.

5. Định hướng phát triển không gian vùng.

a) Mô hình cấu trúc phát triển vùng: Không gian vùng huyện Lục Nam phát triển theo cấu trúc như sau:

- Các trục không gian kinh tế chính: Có 4 trục cụ thể như sau:

+ Trục QL31 từ Phương Sơn đến Tiên Nha: Phát triển đô thị, dịch vụ thương mại, du lịch và công nghiệp theo hướng Tây - Đông;

+ Trục QL37 từ Đan Hội đến Thanh Lâm: Phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị theo hướng Tây Nam - Đông Bắc;

+ Trục ĐT293 từ Lan Mẫu đến Bình Sơn: Phát triển đô thị, công nghiệp và du lịch theo hướng từ Tây sang Đông;

+ Trục dọc sông Lục Nam theo hướng Tây Bắc - Đông Nam phát triển vận tải đường thủy và vật liệu xây dựng.

- Các điểm hạt nhân đô thị bao gồm:

+ Thị trấn Đồi Ngô: Trung tâm hành chính, chính trị, thương mại dịch vụ, du lịch, văn hóa thể thao và vui chơi giải trí;

+ Đô thị mới (Thị trấn Nghĩa Phương): Trung tâm kinh tế xã hội, phát triển nông lâm nghiệp và thương mại dịch vụ du lịch tiểu vùng phía Đông của huyện. Là thị trấn mới, phát triển trên cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của xã Nghĩa Phương hiện hữu;

+ Đô thị mới (Thị trấn Lan Mẫu): Khu vực phát triển kinh tế xã hội, công nghiệp, thương mại dịch vụ và đô thị tiểu vùng phía Tây của huyện. Là thị trấn mới, phát triển trên cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của xã Lan Mẫu hiện hữu;

+ Đô thị mới (Thị trấn Cẩm Lý): Khu vực phát triển kinh tế xã hội, công nghiệp, thương mại dịch vụ, đô thị tiểu vùng phía Tây Nam của huyện. Là thị trấn mới, phát triển trên cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của xã Cẩm Lý hiện hữu;

+ Đô thị mới (Thị trấn Bình Sơn): Là động lực phát triển kinh tế xã hội khu

vực cực Đông của huyện Lục Nam;

+ Đô thị Phương Sơn: Là đô thị góp phần hình thành chuỗi đô thị từ thị trấn Đồi Ngô đến Phương Sơn là một trong các động lực để góp phần thúc đẩy xã Chu Điện và các xã lân cận phát triển.

b) Phân vùng phát triển: Huyện Lục Nam được xác định phát triển không gian theo 4 tiểu vùng:

- Tiểu vùng 1: Gồm 2 thị trấn và 4 xã, cụ thể:

+ Thị trấn Đồi Ngô, thị trấn Phương Sơn, xã Chu Điện, xã Tiên Nha, xã Cương Sơn và xã Khám Lạng. Quy mô diện tích: 6.797 ha. TT Đồi Ngô là hạt nhân tiểu vùng;

+ Định hướng: Là trung tâm hành chính - chính trị - văn hóa xã hội - giáo dục của huyện. Là phát triển đô thị, dịch vụ thương mại, công nghiệp, du lịch, vui chơi giải trí, dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp đa ngành nghề, chế biến nông lâm sản và dịch vụ vận tải hàng hóa trên cơ sở khai thác lợi thế là đầu mối giao thông.

- Tiểu vùng 2: Gồm 7 xã, cụ thể: Xã Lan Mẫu, Huyền Sơn, Bắc Lũng, Cẩm Lý, Yên Sơn, Vũ Xá và xã Đan Hội. Quy mô diện tích: 11.430ha. xã Cẩm Lý (dự kiến thành thị trấn trước năm 2030) là hạt nhân đô thị của tiểu vùng;

Định hướng phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ chủ yếu ở các xã Bắc Lũng, Yên Sơn, Huyền Sơn, Cẩm Lý. Ưu tiên cao khu công nghiệp đô thị dịch vụ Bắc Lũng - Yên Sơn với quy mô 662ha. Phát triển không gian đô thị ở khu vực trung tâm xã Cẩm Lý và dọc theo ĐT293 ở xã Lan Mẫu. Phát triển nông nghiệp và dịch vụ văn hóa lịch sử ở xã Huyền Sơn, nổi bật là sản phẩm Na dai và dự án phát triển du lịch là chùa Bát Nhã gắn với con đường bộ hành của Phật Hoàng Trần Nhân Tông.

- Tiểu vùng 3: Là tiểu vùng phát triển du lịch sinh, văn hóa, lịch sử gắn với cảnh quan tự nhiên nông, lâm nghiệp (cây ăn quả, dược liệu) phía Đông. Gồm 6 xã: Nghĩa Phương, Lục Sơn, Bình Sơn, Trường Sơn, Vô Tranh. Định hướng Nghĩa Phương thành thị trấn là hạt nhân của tiểu vùng;

Định hướng: Là vùng cao, địa bàn khó khăn của huyện Lục Nam gồm các xã Lục Sơn, Bình Sơn, Trường Sơn, Vô Tranh, Trường Giang, Nghĩa Phương. Định hướng tập trung phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, nâng cấp các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa thông tin công lập đạt tiêu chuẩn quốc gia. Khuyến khích mở rộng các hoạt động dịch vụ xã hội, đặc biệt là dạy nghề, truyền nghề, chuyển giao ứng dụng công nghệ, khám chữa bệnh ngay tại cộng đồng thôn, bản, cụm bản.

- Tiểu vùng 4: Là tiểu vùng nông, lâm nghiệp và du lịch sinh thái, văn hóa, di tích lịch sử phía Bắc. Tiểu vùng 4 có 6 xã gồm: Đông Hưng, Đông Phú, Tam Di, Bảo Sơn, Bảo Đài, Thanh Lâm. Xây dựng Bảo Sơn đạt tiêu chí đô thị loại V là hạt nhân tiểu vùng.

Định hướng: Tiểu vùng 4 là vùng có tiềm năng phát triển nông lâm nghiệp và du lịch sinh thái, văn hóa lịch sử gắn với điểm du lịch hồ Suối Nứa và sự tích ông Cai Vàng, thành nhà Hồ. Ngoài phát triển nông nghiệp, tiểu vùng 4

được định hướng phát triển về du lịch gắn kết du lịch theo trục Bắc Nam và kết nối với đền Bắc Lệ (huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn) và kết nối với ĐT245 đi cao tốc HN-LS. Không gian đô thị: Xây dựng khu vực trung tâm các Bảo Sơn và Đông Hưng đạt tiêu chí đô thị loại V.

c) Định hướng phân bố không gian phát triển kinh tế:

- Giai đoạn 2020 - 2030: Giai đoạn này từng bước hình thành các CNN, KCN theo định hướng quy hoạch của tỉnh, quy mô giai đoạn này dự kiến khoảng 1.643 ha (đã bao gồm 172ha đất đô thị - dịch vụ thương mại phục vụ KCN), dự kiến lấp đầy khoảng 75%;

+ Cụm công nghiệp: Duy trì, kêu gọi đầu tư để lấp đầy hệ thống các CCN đang hoạt động ổn định với quy mô 185,6ha. Quy hoạch bổ sung thêm 5 CCN (Khám Lạng, Lan Sơn 2, Tiên Hưng, Bảo Sơn, Phương Sơn) với quy mô 306ha, nâng tổng quy mô phát triển CCN giai đoạn này lên thành 981,6ha;

+ Khu công nghiệp: Ưu tiên cao đầu tư xây dựng Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Yên Sơn - Bắc Lũng với quy mô 662ha, trong đó công nghiệp là 490ha, đô thị dịch vụ thương mại là 172ha;

+ Ngành nghề và lĩnh vực hoạt động chủ yếu: Hoạt động chủ yếu ở các ngành nghề gồm cơ khí chế tạo, điện - điện tử, viễn thông, may mặc, dệt nhuộm, chế biến nông lâm sản, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, phân bón.

- Giai đoạn 2031 - 2040: Quy hoạch bổ sung 2 CCN và 3 KCN với tổng quy mô là 1034ha, trong đó:

+ Cụm công nghiệp: Quy hoạch bổ sung 2 CCN với quy mô 95ha (Trường Sơn, Nghĩa Phương);

+ Khu công nghiệp: Quy hoạch bổ sung thêm 3 KCN (Cẩm Lý, Huyền Sơn, Yên Sơn) với quy mô 939ha;

+ Quy mô đất dành cho công nghiệp, đô thị, dịch vụ thương mại gắn với các khu công nghiệp là 99ha;

+ Lũy kế tổng quy mô phát triển CCN đến năm 2040 là 987,6ha, khu công nghiệp là 1601ha trong đó đã bao gồm 271ha đất đô thị và dịch vụ thương mại;

+ Ngành nghề và lĩnh vực hoạt động chủ yếu: Cơ khí chế tạo, điện - điện tử, viễn thông, may mặc, dệt nhuộm, chế biến nông lâm sản, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, phân bón, hóa chất;

+ Hoàn thiện đồng bộ hệ thống HTKT, thu gom xử lý CTR, nước thải công nghiệp, TTCN theo quy định.

- Phân bố không gian phát triển nông nghiệp:

+ Đến năm 2030, diện tích đất lúa huyện Lục Nam là 11.360ha, trong đó, diện tích bảo vệ nghiêm ngặt là 8.170ha; quy hoạch 22 vùng sản xuất lúa tập trung, với diện tích là 6.507ha, chiếm 79,65% diện tích trồng lúa 2 vụ bảo vệ nghiêm ngặt đến năm 2030;

+ Diện tích sản xuất rau các loại khoảng 3.649ha, tập trung chủ yếu tại các xã: Bảo Sơn (296ha), Bảo Đài (353ha), Thanh Lâm (400ha), Tam Dị (459ha), Đông Phú (476ha), Đông Hưng (157ha), trong đó rau phục vụ chế biến

xuất khẩu khoảng 900ha.

* Vùng trồng cây ăn quả:

Đến năm 2030: Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh; áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực cả trước mắt và lâu dài, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, lao động và nguồn lực;

Diện tích đất lúa huyện Lục Nam là 11.360ha, trong đó, diện tích bảo vệ nghiêm ngặt là 8.170ha; quy hoạch 22 vùng sản xuất lúa tập trung, với diện tích là 6.507ha, chiếm 79,65% diện tích trồng lúa 2 vụ bảo vệ nghiêm ngặt đến năm 2030. Diện tích sản xuất rau các loại khoảng 3.649ha, tập trung chủ yếu tại các xã: Bảo Sơn (296ha), Bảo Đài (353ha), Thanh Lâm (400ha), Tam Dị (459ha), Đông Phú (476ha), Đông Hưng (157ha). Trong đó, vùng sản xuất rau chế biến, rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng đưa vào tiêu thụ tại các siêu thị, khu công nghiệp và cung cấp cho các nhà máy chế biến xuất khẩu, với quy mô diện tích 2.700ha (chiếm khoảng 45,3% tổng diện tích rau của huyện), trong đó rau phục vụ chế biến xuất khẩu khoảng 900ha. Cây vải thiều: Duy trì diện tích khoảng 5.900ha tập trung chủ yếu tại các xã: Lục Sơn (400ha), Bình Sơn (500ha), Vô Tranh (781ha), Trường Sơn (180ha); Nghĩa Phương (480ha), Trường Giang (337ha), Đông Hưng (870ha). Trong đó diện tích các vùng sản xuất tập trung là 3.393ha tập trung tại các xã sản lượng vải đạt tiêu chuẩn xuất khẩu đến năm 2030 chiếm 70% tổng sản lượng;

+ Cây Na: Duy trì diện tích khoảng 1.730ha, tập trung chủ yếu tại các xã: Huyện Sơn (366ha); Nghĩa Phương (526ha), Cương Sơn (125ha), Đông Phú (203ha), Đông Hưng (271ha), Lan Mẫu (20ha), năng suất 8,5 tấn/ha, sản lượng đạt 14.705 tấn. Trong đó, diện tích Na sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 1.730ha (100% diện tích);

+ Cây Dứa: Duy trì diện tích khoảng 450ha, tập trung chủ yếu tại các xã: Tam Dị (120ha); Bảo Sơn (200ha), năng suất 40,5 tấn/ha, sản lượng đạt 18.225 tấn. Trong đó, diện tích Dứa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 450ha (100% diện tích);

+ Cây Nhãn: Duy trì diện tích khoảng 750ha tại các xã: Lục Sơn (170ha); Bình Sơn (45ha), Trường Sơn (50ha), Cẩm Lý (55ha), Nghĩa Phương (100ha), Đông Phú (50ha), Đông Hưng (55ha), Đan Hội (60ha); năng suất 12,5 tấn/ha, sản lượng 9.375 tấn. Trong đó, diện tích Nhãn sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 750ha (100% diện tích);

+ Cây Lạc: Tập trung tại xã: Cẩm Lý (62 ha);

+ Cây Cam: Tổng diện tích 650ha, tập trung ở 03 vùng sau: Vùng Lục Sơn, Trường Sơn, Bình Sơn diện tích 250ha; vùng Vô Tranh, Nghĩa Phương diện tích 200ha; vùng Đông Hưng, Đông Phú, Tam Dị 200ha;

+ Cây Bưởi: Tổng diện tích 943ha, tập trung ở 03 vùng sau: Vùng Lục Sơn, Trường Sơn, Bình Sơn diện tích 314ha; vùng Vô Tranh, Nghĩa Phương diện tích 302ha; vùng Đông Hưng, Đông Phú, Tam Dị 326ha;

+ Phát triển vùng sản xuất bưởi tập trung trên địa bàn huyện với diện tích 943ha, trong đó diện tích bưởi sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap là 100%.

* Chăn nuôi: Tiếp tục phát triển mạnh chăn nuôi trong đó sản phẩm chủ lực là lợn, gia cầm (gà, vịt, chim) và một số con đặc sản.

+ Tổng đàn lợn thịt bình quân hàng năm từ 180.000 con đến 200.000 con, trong đó vùng tập trung từ 130.000 con - 160.000 tại 03 vùng;

+ Tổng đàn trâu bình quân hàng năm từ 5.500 - 6.500 con, trong đó tập trung ở 02 vùng với quy mô 5.500;

+ Tổng đàn bò bình quân hàng năm từ 5.000 - 6.000 con, trong đó tập trung ở 02 vùng với quy mô 4.000 con;

+ Phát triển đàn dê quy mô tổng đàn đạt khoảng 7.000 -10.000 con, tập trung ở 02 vùng;

+ Quy mô tổng đàn gà bình quân từ 1,8 triệu - 2,0 triệu con/năm; trong đó vùng chăn nuôi tập trung từ 1,3 - 1,5 triệu con/năm, tại 03 vùng;

+ Chim Bồ Câu: Ổn định tổng đàn chim bố mẹ khoảng 400.000 - 500.000 đôi;

+ Đàn Ong: quy mô 50.000 đàn, tập trung ở vùng Lục Sơn, Bình Sơn, Trường Sơn, Vô Tranh, Nghĩa Phương, Trường Giang, Huyện Sơn.

Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn: Toàn huyện có 02 trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn, bao gồm 01 trung tâm tại xã Nghĩa Phương; 01 trung tâm tại xã Đông Hưng.

* Lâm nghiệp: Đến năm 2030, diện tích rừng trên địa bàn là 24.211ha, trong đó, rừng đặc dụng 3.534ha; rừng sản xuất 20.677ha. Quy hoạch 03 vùng trồng rừng tập trung với diện tích khoảng 14.400ha, trong đó diện tích rừng trồng thâm canh gỗ lớn 4.500ha chiếm 31,25% diện tích rừng sản xuất; diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng bền vững quốc tế (do tổ chức quốc tế FSC hoặc Văn phòng chứng chỉ rừng Việt Nam cấp) đạt 2.000ha; sản lượng gỗ khai thác đạt 130.000 m³/năm - 168.000 m³/năm, trong đó có 30% - 60% sản phẩm gỗ khai thác được đưa vào chế biến sâu phục vụ xuất khẩu.

* Thủy sản: Tăng cường đầu tư thâm canh nuôi trồng thủy sản trên cơ sở diện tích mặt nước, ruộng trũng hiện có; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và giống mới trong nuôi trồng thủy sản, chuyển từ quảng canh sang bán thâm canh và thâm canh. Duy trì phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung trên diện tích 380ha, tập trung tại các xã: Đan Hội, Vũ Xá, Bắc Lũng, Huyện Sơn, Nghĩa Phương; hình thành vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ứng dụng công nghệ cao tại Đan Hội, Vũ Xá, Cẩm Lý để cung cấp sản phẩm thủy sản cho thị trường trong huyện, trong tỉnh và các huyện lân cận.

Đến năm 2040: Tiếp tục phát triển các vùng chuyên canh và nông nghiệp chất lượng cao, tăng năng suất và hiệu quả đất canh tác. Phát triển các vùng sinh thái nông nghiệp phục vụ du lịch trải nghiệm nông nghiệp.

d) Phân bố không gian phát triển du lịch và bảo vệ cảnh quan môi trường:

- Phân bố không gian phát triển du lịch:

+ Giai đoạn 2020 - 2030: Bảo tồn, tôn tạo các điểm di tích trên địa bàn huyện; xây dựng hạ tầng du lịch gắn kết với du lịch toàn tỉnh tạo đà cho kinh tế của địa phương phát triển đồng thời bảo tồn các giá trị văn hóa, giữ gìn bản sắc truyền thống. Hình thành tuyến du lịch đền Thần Nông trong bản đồ phát triển du lịch vùng thì đây là điểm kết nối giữa Tây Yên Tử với Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc nổi tiếng của tỉnh Hải Dương. Du khách từ phía Đông Yên Tử về chùa Vĩnh Nghiêm hoặc sang Tây Yên Tử bằng đường bộ và ngược lại có thể dễ dàng ghé qua đền văn cảnh, tháp hương cầu mưa thuận gió hòa, nông nghiệp phát triển. Phát triển du lịch dọc tuyến ĐT293, QL31, gắn kết Khu du lịch Tâm linh, sinh thái Tây Yên Tử; xây dựng trạm dừng nghỉ trên đỉnh núi theo con đường hoàng dương Phật pháp của Phật Hoàng Trần Nhân Tông; Khu du lịch suối Nước Vàng, Thác Giót, Lái Cỏ, khe Nghè gắn với du lịch cộng đồng. Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ; Phục dựng các di tích theo con đường hoàng dương Phật pháp của Phật Hoàng Trần Nhân Tông; Sân golf huyện Lục Nam 1,2,3; khách sạn 4-5 sao tại các khu du lịch Tây Yên Tử; khu du lịch sinh thái Suối Mỡ gắn với các dịch vụ giải trí, trải nghiệm văn hóa dân tộc...;

+ Giai đoạn 2031-2040: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để hình thành điểm, tuyến du lịch trên địa bàn huyện Lục Nam, kết nối với hệ thống du lịch của huyện Yên Dũng, Sơn Động, TP Chí Linh tỉnh Hải Dương, huyện Hữu Lũng (tỉnh Lạng Sơn) và huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Đầu tư xây dựng hệ thống bến thuyền và công trình dịch vụ phụ trợ, từng bước đưa vào khai thác tuyến du lịch đường sông khai thác danh thắng sông Lục núi Huyền kết nối từ dãy núi Nham Biền (khu vực cầu bến Đám xã Tân Liễu - chùa Vĩnh Nghiêm (xã Trí Yên) - sông Lục Núi Huyền (huyện Lục Nam) - chùa Am Vãi - vườn trái cây Lục Ngạn - Tây Yên Tử.

- Xác định các vùng bảo vệ cảnh quan tự nhiên:

+ Vùng bảo vệ bảo tồn di tích văn hóa, lịch sử dọc sông Lục Nam: các xã Đan Hội, Cẩm Lý, Huyền Sơn, Bắc Lũng, Khám Lạng, Yên Sơn, Bảo Sơn, Vô Tranh;

+ Khu vực bảo vệ chặt chẽ môi trường nước sông Lục Nam: 05 khu thuộc khu vực xã Bắc Lũng và TT Đồi Ngô;

+ Phân bố các khu vực kiểm soát chặt chẽ, phòng chống ô nhiễm môi trường từ các hoạt động công nghiệp, khai thác khoáng sản: Khu mỏ khai thác than tại xã Lục Sơn;

+ Khu vực kiểm soát chặt chẽ, phòng chống ô nhiễm môi trường từ hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn tập trung tại xã Lan Mẫu;

+ Khu bảo tồn đa dạng sinh học Tây Yên Tử (thuộc địa phận xã Thanh Luận, thị trấn Tây Yên Tử - huyện Sơn Động và xã Lục Sơn - huyện Lục Nam) 6.851,8ha, phân khu bảo vệ nghiêm ngặt Tây Yên Tử - Lục Sơn: 2.796,1ha;

+ Khu bảo tồn cảnh quan sinh thái đa dạng sinh học Suối Mỡ tại xã Nghĩa Phương, diện tích khoảng 1.037,7ha;

+ Khu vực kiểm soát phát triển chặt chẽ phòng chống lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn huyện gồm các xã: Tiên Nha, Lục Sơn, Trường Sơn, Vô Tranh,

Huyền Sơn, Cẩm Lý;

+ Khu vực kiểm soát phát triển chặt chẽ phòng chống ngập lụt thuộc các xã Lan Mẫu, Yên Sơn, Khám Lạng, Bắc Lũng, Vũ Xá, Đan Hội, Cẩm Lý, Huyền Sơn và TT Đồi Ngô;

+ Khu vực kiểm soát phát triển chặt chẽ phòng, chống khô hạn do biến đổi khí hậu gồm các xã: các xã Lục Sơn, Trường Sơn, Bình Sơn, Vô Tranh;

+ Xác định các vùng bảo vệ cảnh quan tự nhiên:

Vùng cảnh quan không gian mở: Vùng cảnh quan sông nước (sông Lục Nam, ngòi Cổ Mân, ngòi Mẫu Sơn, hồ Suối Nứa, hồ Thanh Niên, Suối Mỡ... hệ thống kênh mương thủy lợi, hồ đập...) phục vụ cấp nước, thoát nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch sinh thái;

Vùng hạn chế, cấm xây dựng: Hạn chế xây dựng trong khu vực di tích lịch sử; các khu đất an ninh quốc phòng, khu vực phòng thủ Quốc phòng An ninh.

Vùng hạn chế, cấm xây dựng: trong khu vực di tích lịch sử; các khu đất an ninh quốc phòng, khu vực phòng thủ.

e) Phân bố các không gian phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

- Hệ thống trụ sở cơ quan:

+ Giai đoạn 2020 - 2030: Cải tạo nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình trụ sở cơ quan hành chính công kháng trang hiện đại phù hợp với nhu cầu thực tiễn phát triển dân số phục vụ cấp huyện, thị trấn, xã. Xây dựng trung tâm hành chính tập trung thị trấn Đồi Ngô. Quy hoạch di dời trụ sở UBND xã Chu Điện đến khu vực thôn Mẫu Sơn giáp QL31 với quy mô diện tích khoảng 1ha;

+ Đến năm 2040: Tiếp tục nâng cấp cải tạo trụ sở cơ quan hành chính của các đô thị và trụ sở các xã, đáp ứng yêu cầu phát triển của toàn huyện; xây dựng trụ sở công an chính quy ở các xã.

- Hệ thống thương mại dịch vụ:

+ Giai đoạn 2020-2030: Nâng cấp, cải tạo các chợ hạng 2, hạng 3 hiện có và bố trí xây mới các chợ hạng 3 trên địa bàn, đặc biệt là chợ nông thôn đã quy hoạch; Quy hoạch bổ sung chợ Bảo Sơn quy mô khoảng 0,6ha thay thế chợ đang hoạt động. Nâng cấp cải tạo các chợ xã. Xây dựng bổ sung các xã có chợ tạm và chưa có chợ ở khu vực trung tâm theo các đồ án quy hoạch nông thôn mới. Xây dựng 1 siêu thị tại TT Đồi Ngô, Phương Sơn, Lan Mẫu và 1 tại KCN Yên Sơn - Bắc Lũng. Xây dựng 1 TTTM tại TT Đồi Ngô và KCN Yên Sơn - Bắc Lũng;

+ Giai đoạn 2031-2040: Từng bước kêu gọi đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại lớn phục vụ cho các đô thị đã và đang hình thành như (Cẩm Lý, Nghĩa Phương, Bảo Sơn, Bình Sơn...). Các trung tâm thương mại từng bước thay thế chợ truyền thống theo xu hướng phát triển chung của thời đại. Xây dựng mỗi đô thị 1 siêu thị, tại các KCN Cẩm Lý, Huyền Sơn xây dựng 1 siêu thị/1 KCN.

- Phát triển hệ thống kho, bãi hàng hóa, trung tâm logistic, kho cảng:

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án hạ tầng kho bãi Logistic của huyện dọc theo sông Lục Nam gắn với các trục giao thông đường bộ quan trọng sẽ hình thành trong giai đoạn đến năm 2030. Phát triển hệ thống cảng sông gồm: Yên

Son, Vũ Xá, An Khánh (xã Cẩm Lý), Huyện Sơn.

- Hệ thống y tế:

+ Đến năm 2030: Đầu tư xây dựng 100% số trạm y tế của các xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia. Đầu tư trang thiết bị nâng cao chất lượng phục vụ cho các trạm y tế; nâng cấp và cải tạo trung tâm y tế huyện đạt 350 giường; cải tạo, nâng cấp trạm y tế tại các xã; Khuyến khích đầu tư và phát triển y tế tư nhân trên địa bàn các đơn vị hành chính là thị trấn và đạt tiêu chí đô thị loại V như Đông Hưng, Bảo Sơn...;

+ Đến năm 2040: Nâng cấp Trung tâm y tế huyện Lục Nam lên 400 giường để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Quy mô diện tích khoảng 3,64ha, trong đó hiện trạng là 2,14ha, diện tích cần mở rộng khoảng 1,5ha. Tăng tỷ lệ giường bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn huyện.

- Hệ thống giáo dục:

+ Giai đoạn 2020 - 2030: Mở rộng các trường hiện có với quy mô diện tích đạt chuẩn quốc gia, xây dựng bổ sung cơ sở vật chất như thư viện, phòng thí nghiệm, nhà thể chất, sân thể thao, cơ sở phục vụ bán trú. Dành quỹ đất để xây dựng các trường dạy nghề ở các khu vực phát triển đô thị; cải tạo nâng cấp các trường học trên địa bàn toàn huyện đáp ứng đủ tiêu chuẩn về đất đai và cơ sở vật chất theo từng cấp học; xây dựng mới các trường học phục vụ cấp khu ở tại các khu đô thị mới hình thành mới theo đồ án quy hoạch chi tiết phục vụ nhu cầu theo quy mô dân số và bán kính phục vụ. Đất giáo dục hiện trạng đến năm 2019: 80,3ha; Giai đoạn đến năm 2030: 80,3ha + 43,81ha = 123,85ha. Cụ thể:

Trường mầm non, nhà trẻ: Tổng số trường: 31, trong đó: Trường công lập là 28; Trường tư thục là 03; Tổng số lớp: 891, trong đó mẫu giáo là 467 lớp, nhà trẻ là 424 lớp; Tổng diện tích đất đã có: 173.898m²; diện tích đất còn thiếu cần mở rộng: 327.600m²; tổng diện tích đất cần có: 501.498m²;

Trường tiểu học: Tổng số trường: 31; tổng số lớp: 674; tổng diện tích đất đã có: 287.122m²; diện tích đất còn thiếu cần mở rộng: 20.499m²; tổng diện tích đất cần có: 307,621m²;

Trường THCS: Tổng số trường: 3; tổng số lớp: 469; tổng diện tích đất đã có: 249.089m²; diện tích đất còn thiếu cần mở rộng: 49.700m²; tổng diện tích đất cần có: 289.789m² (28,89ha);

Trường THPT: Trường THPT Phương Sơn (trường công lập), quy hoạch mở rộng thêm 4.000m² để tăng diện tích lên thành 20.390m². Dự kiến mở rộng trong năm 2022. Mở rộng trên diện tích đất LNK. Số lớp 40; Trường THPT Đồi Ngô (trường tư thục), quy hoạch mở rộng thêm 6.341m² để tăng diện tích lên thành 10.000m². Xây dựng mới tại thôn Nhiêu Hà thuộc thị trấn Đồi Ngô. Số lớp 24. Dự kiến mở rộng trong năm 2026; TT Lục Nam xây mới tại thôn Thân Phú, TT Đồi Ngô với tổng số lớp là 30; Quy hoạch với tổng diện tích là 35.020m², diện tích cần có để mở rộng khoảng 30.000m² chuyển từ đất trồng lúa (LUK), dự kiến mở rộng năm 2023.

+ Giai đoạn 2031 - 2040: Tiếp tục duy trì hệ thống giáo dục giai đoạn đến năm 2030; tại các khu công nghiệp, khu dân cư mới thành lập 04 trường MN tư

thực, mỗi điểm trường 10 lớp học, diện tích 0,3 - 0,5ha/1 điểm trường; xây dựng khu trung tâm dạy nghề tại khu công nghiệp Yên Sơn, Lan Mẫu, diện tích khoảng 3ha; xây dựng hệ thống trường học Quốc tế liên cấp từ mầm non đến THPT tại thị trấn Đồi Ngô mở rộng (vị trí phía Tây thị trấn, thuộc xã Chu Điện); giai đoạn đến năm 2040 diện tích đất dành cho giáo dục đạt: 123,85ha + 12,23ha+3ha = 136,08ha.

- Hệ thống công trình văn hóa, thể dục thể thao:

+ Giai đoạn 2020 - 2030: Cải tạo nâng cấp trung tâm văn hóa, trung tâm thể dục thể thao cấp huyện, cấp thị trấn. Cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa xã, nhà văn hóa cộng đồng, sân thể dục thể thao các xã và sân thể thao tại các khu dân cư. Quy hoạch khu trung tâm thể thao, văn hóa ở vị trí phía Nam ĐT293 với các hạng mục công trình như sân vận động, nhà thi đấu đa năng với quy mô khoảng 7ha. Các công trình thư viện, rạp chiếu phim được quy hoạch ở khu vực phía Nam thị trấn Đồi Ngô (giáp công viên) nằm ở phía Đông QL37, quy mô diện tích 2 ô đất khoảng 2,1ha. Xây dựng Sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang tại các xã Chu Điện, Khám Lạng và Yên Sơn của huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang 36 hồ tiêu chuẩn với quy mô khoảng 250 ha, vốn đầu tư khoảng 739,7 tỷ đồng;

+ Giai đoạn 2031 - 2040: Hoàn thiện hệ thống văn hóa, thể dục thể thao từ huyện đến xã, thu hút đầu tư 02 sân golf bao gồm: Nghĩa Phương - Cương Sơn và Suối Nứa, hoàn thành xây dựng chùa Bát Nhã, tuyến đường bộ hành của Phật hoàng Trần Nhân Tông, KDL Hồ Suối Nứa, Khu du lịch sinh thái Cai Vàng...

- Quốc phòng An ninh:

+ Quốc phòng: Điều chỉnh quy hoạch mở rộng công trình quân sự, diện tích khoảng 211,5ha (*loại đất lâm nghiệp sang đất quốc phòng*) cụ thể:

Căn cứ chiến đấu 1: Tại khu vực điểm cao 178, 196, 211, núi Voi, Rừng Tòng Lệnh, thôn Ba Gò, Hồ Sâu, xã Nghĩa Phương; diện tích khoảng 70 ha;

Căn cứ chiến đấu 2: Tại khu vực điểm cao 195, 215,5, khu vực thôn Tân Tiến, xã Đông Phú, diện tích khoảng 140 ha;

Căn cứ Hậu phương: Tại khu vực dãy điểm cao 175, 132, 30, 189, 205, thôn Đồng Sung và thôn Cai Vàng, xã Đông Hưng, diện tích khoảng 140 ha.

Mở rộng thao trường bắn, thao trường huấn luyện của huyện 02 ha tại thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu. Đầu tư ngân sách hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình tại Trường bắn cơ bản của Ban CHQS huyện tại thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu, diện tích 40,807m².

+ An ninh:

Giai đoạn 2020-2030: Xây dựng trụ sở công an huyện Lục Nam ở khu đô thị phía Đông thị trấn Đồi Ngô, quy mô khoảng 2,5ha. Trụ sở Công an huyện Lục Nam hiện nay điều chỉnh quy hoạch thành đất cơ quan bàn giao cho UBND huyện bố trí cơ sở làm việc cho các phòng ban của huyện. Các xã thị trấn, xây dựng bổ sung trụ sở công an chính quy với quy mô khoảng 1000 m²/trụ sở ở các khu vực trung tâm xã, thị trấn (2,5ha/25 đơn vị hành chính); Quy hoạch bổ sung: Đồn Công an KCN khu vực Bắc Lũng - Yên Sơn: 1,093ha; Trạm Cảnh sát PCCC KCN: 0,2ha; Khu hạ tải, tạm giữ phương tiện giao thông: 2ha; Tổng quy mô quy

hoạch sử dụng đất đến năm 2030 khoảng 8,23ha;

Giai đoạn 2031-2040: Duy trì cơ sở vật chất giai đoạn trước, cải tạo nâng cấp các hạng mục trụ sở xuống cấp theo thời gian. Quy hoạch bổ sung quỹ đất dự phòng phục vụ cho các khu công nghiệp, khu đô thị mới, đến năm 2040 đạt khoảng 9,46ha.

6. Định hướng tổ chức không gian đô thị và điểm dân cư nông thôn.

a) Định hướng không gian phát triển đô thị:

- Hệ thống đô thị:

+ Đến năm 2030: Phát triển đô thị trung tâm huyện là thị trấn Đồi Ngô theo hướng phát triển mở rộng và hình thành chuỗi đô thị từ Đồi Ngô đến Phương Sơn; cải tạo, mở rộng và nâng cấp thị trấn Phương Sơn; thành lập mới thị trấn Lan Mẫu, Cẩm Lý;

+ Đến năm 2040: Thành lập thị trấn Nghĩa Phương, Bình Sơn, huyện Lục Nam có 06 đô thị là thị trấn Đồi Ngô (loại IV), 5 đô thị loại V gồm: thị trấn Phương Sơn, Cẩm Lý, Lan Mẫu, Nghĩa Phương, Bình Sơn.

- Xây dựng các xã đạt tiêu chí đô thị loại V gồm: Bảo Sơn, Đông Hưng và một số xã khác như Khám Lạng, Yên Sơn, Bắc Lũng do có nhiều động lực phát triển kinh tế xã hội, cụ thể là công nghiệp, dịch vụ thương mại và đô thị.

b) Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư nông thôn:

- Đến năm 2030: Cải tạo nâng cấp các khu dân cư hiện hữu. Đầu tư xây dựng các khu dân cư mới gắn kết với các khu dân cư hiện hữu tạo thành các khu ở tập trung để khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng cơ sở. Phát triển các loại hình nhà ở nông thôn gắn với sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, nhà ở nông thôn gắn với du lịch sinh thái, gắn với các vùng chuyên canh... Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn này đạt khoảng 20-22%;

- Đến năm 2040: Hoàn thiện xây dựng các khu dân cư mới gắn kết với các khu dân cư hiện có. Hoàn thiện hệ thống trung tâm khu ở phục vụ các sinh hoạt của cộng đồng dân cư. Ngoài ra quy hoạch bổ sung và dự kiến giai đoạn 2035-2040 sẽ thành lập các thị trấn Nghĩa Phương, Bình Sơn là 02 đô thị loại V. Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn này đạt khoảng 32%.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

a) Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống giao thông:

- Quy hoạch hệ thống đường bộ:

+ Đường cao tốc, quốc lộ:

(1). Đường vành đai V- Vùng thủ đô: Qua huyện Lục Nam từ xã Đan Hội đến xã Lan Mẫu, tổng chiều dài khoảng 13,21 km. Giai đoạn đến 2021-2030 quy mô đạt tiêu chuẩn đường cao tốc, 04 làn xe. Giai đoạn 2031-2040 quy mô tiêu chuẩn đường cao tốc, 6 làn xe.

(2). Quốc lộ 31: Qua huyện Lục Nam từ xã Phương Sơn, xã Chu Điện, TT.Đồi Ngô, xã Tiên Nha, điểm cuối tại xã Đông Hưng tổng chiều dài khoảng 14 km, giai đoạn đến 2030 hoàn thiện tuyến đạt cấp III, mặt đường rộng tối thiểu 15m. Đoạn qua thị trấn có lộ giới 28 m trong đó mặt đường xe chạy 15 m hè 2 bên 6,5mx2. Giai đoạn 2040: Duy trì tuyến và Xây dựng cầu vượt đường

sắt (đường sắt Kép - Hạ Long) tại khu vực Phố Sàn, huyện Lục Nam.

(3). Quốc lộ 37: Qua huyện Lục Nam địa bàn các xã Bảo Sơn, xã Thanh Lâm, xã Chu Điện, xã Bảo Đài, TT.Đồi Ngô, xã Khám Lạng, xã Bắc Lũng, xã Vũ Xá, xã Cẩm Lý, xã Đan Hội, chiều dài khoảng 27,5km, Giai đoạn đến năm 2030 hoàn thiện tuyến đạt cấp III, mặt đường rộng tối thiểu 15m. Đoạn qua thị trấn có lộ giới 28 m. Xây dựng mới cầu đường bộ Cẩm Lý, tách khỏi cầu đi chung đường sắt - đường bộ hiện tại. Giai đoạn 2040: Duy trì tuyến và từng bước nâng cấp thành đường cấp II đồng bằng.

+ Các tuyến giao thông do tỉnh quản lý:

(1). Đường tỉnh 293:

Nhánh chính: Qua huyện Lục Nam từ xã Lan Mẫu, qua các xã Yên Sơn, Khám Lạng, TT Đồi Ngô các xã Cương Sơn, Nghĩa Phương, Vô Tranh, Trường Sơn, Bình Sơn và điểm cuối xã Lục Sơn, chiều dài khoảng 49km;

Nhánh 1: Giao cắt với ĐT293 tại xã Lan Mẫu kết nối đến chùa Vĩnh Nghiêm xã Trí Yên, huyện Yên Dũng. Quy hoạch bổ sung đoạn từ chùa Vĩnh Nghiêm đi TP Chí Linh dài khoảng 3,6km. Quy hoạch bổ sung 1 cầu qua sông Lục Nam;

Nhánh 2 nối từ ĐT293 tại thôn Ao Vè, xã Vô Tranh tuyến hướng xuống phía Nam đi huyện Đông Triều (Quảng Ninh) chiều dài khoảng 9,4km. Bổ sung tuyến nhánh 2 điểm đầu và điểm cuối kết nối vào ĐT293, chiều dài khoảng 5km, đi qua địa phận xã Nghĩa Phương;

Đoạn qua TT Đồi Ngô có lộ giới 28m trong đó mặt đường xe chạy 15m hè 2 bên 6,5m². Đoạn từ xã Lan Mẫu đến xã Khám Lạng có lộ giới 48m;

Nhánh 2 giai đoạn từ nay đến năm 2030: Nâng cấp thành đường cấp IV đồng bằng, mặt cắt rộng 7m. Giai đoạn 2031 - 2040: Duy trì tuyến theo đường cấp IV đồng bằng;

Đoạn tuyến còn lại và đoạn tuyến bổ sung giai đoạn từ nay đến năm 2030: Nâng cấp thành đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12m. Giai đoạn 2031 - 2040: Duy trì tuyến theo đường cấp III đồng bằng;

(2). Đường tỉnh 295 đoạn từ các xã Bảo Sơn, Bảo Đài, Tam Dị giao với QL31 tại TT Đồi Ngô chiều dài khoảng 12km. Giai đoạn từ nay đến năm 2030: Nâng cấp thành đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12m, xây dựng cầu vượt sông Lục Nam. Giai đoạn 2031 - 2040: Duy trì tuyến theo đường cấp III đồng bằng.

* Các tuyến quy hoạch đường tỉnh mở mới (3 tuyến): Quy hoạch mở mới 3 tuyến đường tỉnh tổng chiều dài khoảng 48,8km, nội dung chủ yếu như sau:

(3). Tuyến bổ sung ĐT293C (đoạn qua huyện Lục Nam dài 11,6km): Tuyến kết nối ĐT293 hồ Suối Nứa - Đông Hưng huyện Lục Nam - Nút giao số 8 cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn. Điểm đầu giao với ĐT293 tại xã Vô Tranh, tuyến đi qua địa phận huyện Lục Ngạn, qua xã Đông Hưng, điểm cuối Nút giao cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, đoạn qua địa phận huyện Lục Nam có chiều dài khoảng 12km. Giai đoạn từ nay đến năm 2030: Nâng cấp thành đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12m, xây dựng cầu vượt sông Lục Nam. Giai đoạn

2031 - 2040: Duy trì tuyến theo đường cấp II đồng bằng;

(4). Quy hoạch bổ sung tuyến bổ sung 290B (tên mới): Tuyến Tam Di (ĐT295) - Đông Phú - Đông Hưng - Quý Sơn - Hồng Giang (ĐT290) dài 26km đoạn đi qua huyện Lục Nam dài 9,6km, điểm đầu Tam Di, huyện Lục Nam, điểm cuối xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn giao với ĐT290; quy mô cấp II. Giai đoạn từ nay đến năm 2030: Nâng cấp thành đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12m, đoạn tuyến trong đô thị theo quy hoạch đô thị, Giai đoạn 2031 - 2040: Nâng thành cấp II đồng bằng, mặt cắt rộng 22,5m, đoạn tuyến trong đô thị theo quy hoạch đô thị;

(5). Quy hoạch bổ sung tuyến ĐT289B (tên mới): Tuyến Cương Sơn (giao ĐT293) - QL31 (Trại Mít): Hồ Suối Nứa - Đông Hưng - ĐT289 và tuyến nhánh từ Đông Hưng sang QL37, dài 38 Km (Tuyến nhánh từ Đông Hưng sang QL37 dài 12 Km). Điểm đầu: ĐT 293 - Cương Sơn (giao QL37), huyện Lục Nam, điểm cuối: ĐT289, huyện Lục Ngạn; quy mô cấp II, cấp III. Tổng chiều dài tuyến trên địa phận huyện Lục Nam khoảng (27,62km). Giai đoạn từ nay đến năm 2030: Đoạn Cương Sơn QL31 (Trại Mít) đường cấp II đồng bằng, mặt cắt rộng 22,5m, mặt BTN, đoạn tuyến còn lại III đồng bằng, mặt cắt rộng 12m, xây dựng cầu vượt sông Lục Nam. Giai đoạn 2031 - 2040: Duy trì tuyến.

+ Đường huyện:

Tuyến ĐH.71: Tuyến Phương Sơn - Yên Sơn chiều dài tuyến khoảng 6,4km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng tuyến đạt quy mô đường cấp IV đồng bằng. Giai đoạn 2031-2040 nâng cấp đạt đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12,0m;

Tuyến ĐH.72: Tuyến Lan Mẫu - Thanh Lâm chiều dài tuyến khoảng 10,7km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng tuyến đạt quy mô đường cấp IV đồng bằng. Giai đoạn 2031-2040 nâng cấp đạt đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12,0m;

Tuyến ĐH.73: Bắc Lũng - Yên Sơn - Bảo Đài chiều dài tuyến khoảng 14,8km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng tuyến đạt quy mô đường cấp IV đồng bằng. Giai đoạn 2031-2040 nâng cấp đạt đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12,0m;

Tuyến Tam Di - Đông Phú - Đông Hưng: Nâng cấp thành đường tỉnh QH.15;

Tuyến ĐH.74: TT Đồi Ngô - Huyền Sơn - Vũ Xá chiều dài tuyến khoảng 12km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng tuyến đạt quy mô đường cấp IV đồng bằng. Giai đoạn 2031-2040 nâng cấp đạt đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12,0m;

Tuyến ĐH.75: Vũ Xá - Đan Hội chiều dài tuyến khoảng 9,5km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng tuyến đạt quy mô đường cấp IV đồng bằng. Giai đoạn 2031-2040 nâng cấp đạt đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12,0m;

Tuyến ĐH.76: Nghĩa Phương - Trường Giang - Vô Tranh chiều dài tuyến khoảng 14km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng tuyến đạt quy mô đường cấp IV đồng bằng. Giai đoạn 2031-2040 nâng cấp đạt đường cấp III đồng bằng, mặt cắt

rộng 12,0m;

Tuyến ĐH.72b: Tuyến kết nối ĐT289B - QL.37: chiều dài tuyến khoảng 5,3km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng tuyến đạt đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12m, đoạn đi qua đồi tuyến đạt đường cấp IV đồng bằng, mặt cắt rộng 9m được phân kỳ thành nhiều giai đoạn thực hiện. Giai đoạn 2031-2040 nâng cấp đạt đường cấp II đồng bằng, mặt cắt rộng 22,5m, đoạn qua đồi giữ nguyên đường cấp IV đồng bằng;

Tuyến ĐH.73b: Tuyến kết nối QL31 - ĐT289B chiều dài tuyến khoảng 5,3km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng toàn tuyến đạt đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12m. Giai đoạn 2031-2040 nâng cấp đạt đường cấp II đồng bằng, mặt cắt rộng 22,5m;

Tuyến ĐH.74b (tuyến tránh thị trấn Đồi Ngô): Điểm đầu giao tuyến ĐH.75b, hướng tuyến vòng theo hướng Tây Bắc TT Đồi Ngô, tuyến cắt qua QL31, QL37 và ĐT295, điểm cuối giao với tuyến ĐH.76, chiều dài tuyến khoảng 5,6km. Tuyến có mặt cắt rộng từ 27m, trong đó mặt đường 15m, lề đường 12m. Đoạn từ QL37 đến ĐH75b rộng 38m theo định hướng QHC thị trấn Đồi Ngô mở rộng;

Tuyến ĐH.75b: Tuyến kết nối ĐH72 - ĐH.73: Điểm đầu giao với đường ĐH72 tại Lan Mẫu, qua các xã Phương Sơn, xã Chu Điện, TT Đồi Ngô, kết nối vào đường nối vào ĐH.74 tại TT Đồi Ngô, chiều dài tuyến khoảng 9,5km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng tuyến đường huyện đạt đường cấp II đồng bằng, mặt cắt rộng tối thiểu 12m, đoạn qua đô thị mặt cắt theo quy hoạch đô thị. Giai đoạn 2030-2040 duy trì tuyến;

Tuyến ĐH.76b: Tuyến kết nối tuyến ĐT299B - QL37: Điểm đầu giao với tuyến ĐT299B tại xã Vũ Xá, điểm cuối kết nối vào đường QL37 tại xã Cẩm Lý, chiều dài tuyến khoảng 5,2km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng tuyến đường huyện đạt đường cấp IV đồng bằng, mặt cắt rộng 9m. Giai đoạn 2030-2040 nâng cấp thành đường tỉnh, đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12m;

Tuyến ĐH.77b: Tuyến kết nối ĐT.299B - ĐH.75 chiều dài tuyến khoảng 2km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng toàn tuyến đạt đường cấp IV đồng bằng, mặt cắt rộng 9,0m. Giai đoạn 2031-2040 nâng cấp đạt đường cấp III đồng bằng, mặt cắt rộng 12m;

Tuyến ĐH.78b: Tuyến kết nối ĐT293 - Đường quy hoạch thuộc huyện Lục Ngạn chiều dài tuyến khoảng 10km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng tuyến đạt đường cấp IV đồng bằng (đoạn qua địa hình rừng núi khó khăn thì đường cấp IV- miền núi), mặt cắt rộng 9m được phân kỳ thành nhiều giai đoạn thực hiện. Giai đoạn 2031-2040 giữ nguyên đường cấp IV đồng bằng (đoạn qua địa hình rừng núi khó khăn thì đường cấp IV- miền núi);

Tuyến ĐH.79b: Tuyến kết nối ĐT.293 - Đường quy hoạch (thuộc huyện Lục Ngạn) chiều dài tuyến khoảng 3,6km. Giai đoạn 2020-2030 định hướng tuyến đạt đường cấp IV đồng bằng (đoạn qua địa hình rừng núi khó khăn thì đường cấp IV- miền núi), mặt cắt rộng 9m được phân kỳ thành nhiều giai đoạn thực hiện. Giai đoạn 2031-2040 giữ nguyên đường cấp IV đồng bằng (đoạn qua

địa hình rừng núi khó khăn thì đường cấp IV- miền núi);

Xây dựng 02 cầu vượt đường sắt, một tại khu vực phố Sần, huyện Lục Nam trên QL31 và một cầu vượt đường sắt (đường sắt Kép - Hạ Long) tại khu vực Bảo Lộc, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam.

+ Đường xã:

Giai đoạn 2020 - 2030: Trên 95% đường xã được cứng hóa đạt cấp IV trở lên hoặc tương đương, trong đó trên 80% chiều dài đã cứng hóa có chiều rộng mặt từ 6,5m trở lên, 90% chiều dài đã cứng hóa đạt chất lượng tốt.

Giai đoạn 2031 - 2040: 100% đường xã được cứng hóa, nâng cấp thành đường cấp V đồng bằng, mặt cắt rộng 7,5m.

b) Định hướng phát triển chuẩn bị kỹ thuật:

- Định hướng cao độ nền:

+ Thị trấn Đồi Ngô: lựa chọn cao độ xây dựng khống chế $H_{xd} \geq 6,5m$;

+ Đô thị Phương Sơn: lựa chọn cao độ xây dựng khống chế $H_{xd} \geq 6,5m$;

+ Đô thị Cẩm Lý : lựa chọn cao độ xây dựng khống chế $H_{xd} \geq 7,1m$;

+ Đô thị Nghĩa Phương: lựa chọn cao độ xây dựng khống chế $H_{xd} \geq 7,1m$;

+ Đô thị Lan Mẫu: lựa chọn cao độ xây dựng khống chế $H_{xd} \geq 6,5m$;

+ Đô thị Bình Sơn: lựa chọn cao độ xây dựng khống chế $H_{xd} \geq 7,5m$;

+ Khu, cụm công nghiệp tập trung chọn cao độ nền xây dựng đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất $P > 1\%$.

- Giải pháp san nền:

+ Khu vực cải tạo xây dựng (mật độ cao):

Đọc các trục đường QL31, QL37, ĐT293, ĐT295, các tuyến đường nội thị của thị trấn Đồi Ngô, Phương Sơn, đường các khu, cụm công nghiệp, đường liên thôn,... bám theo cao độ nền đường và cao độ nền xây dựng hiện có của các công trình đảm bảo khớp nối hạ tầng kỹ thuật lân cận;

Khu vực xây dựng xen kẽ: Một số lõi trũng của các ô phố thuộc khu vực đã xây dựng mật độ còn thưa thớt, sẽ tôn nền để tránh ngập úng và hài hòa với khu vực đã xây dựng.

- Khu vực phát triển xây dựng mới: Quỹ đất xây dựng được tôn nền trên khu vực ao, ruộng canh tác, khe tụ thủy, khi thi công xây dựng phải khảo sát kỹ địa chất để có giải pháp nền móng công trình. Khi xây dựng phát triển trên vùng này cần tôn nền hài hòa với khu vực xây dựng hiện có.

- Đối với các khu vực xây dựng trên sườn đồi núi: Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Có giải pháp kê gia cố nền móng công trình, nền đường giao thông. Bố trí mương hở đón nước mưa từ trên núi xuống để bảo đảm an toàn cho công trình.

- Định hướng thoát nước mưa: Toàn bộ huyện Lục Nam thuộc lưu vực thoát nước sông Lục Nam, được chia ra các lưu vực sau: Hướng thoát nước chính của toàn huyện là Bắc - Nam, Đông - Tây và Tây Bắc - Đông Nam thoát nước ra sông Lục Nam, lưu vực thoát nước được phân chia dựa trên hướng chảy của các

kênh, ngòi tiêu trên địa bàn huyện Lục Nam:

- Lưu vực I: Bao gồm khu vực các xã Đông Hưng, Đông Phú, Tam Dị, Bảo Sơn và Tiên Nha: Nước mưa bề mặt thoát vào kênh tiêu Bảo Sơn, hồ Suối Nứa sau đó vào sông Lục Nam. Diện tích lưu vực I khoảng 14.122ha;

- Lưu vực II: Gồm khu vực thị trấn Đồi Ngô, Phương Sơn và các xã: Thanh Lâm, Bảo Đài, Chu Điện, Lan Mẫu, Khám Lạng, Yên Sơn, Bắc Lũng: Nước mưa bề mặt thoát vào ngòi Mân, ngòi Chấn, ngòi Mẫu Sơn rồi ra sông Lục Nam qua hình thức tự chảy kết hợp bơm cưỡng bức bằng trạm bơm Khám Lạng, Cổ Mân, Yên Sơn và Bắc Lũng. Diện tích lưu vực II khoảng 11.951ha;

- Lưu vực III: Gồm khu vực xã Trường Giang, Vô Tranh, Cương Sơn, Nghĩa Phương, Huyền Sơn, Cẩm Lý, Vũ Xá, Đan Hội: Nước mưa bề mặt thoát vào các kênh tiêu sau đó vào sông Lục Nam qua hình thức tự chảy kết hợp bơm cưỡng bức bằng trạm bơm Vũ Xá, Chợ Xa (Cẩm Lý). Diện tích lưu vực III khoảng 19.561ha;

- Lưu vực IV: Bao gồm khu vực xã Bình Sơn, Trường Sơn, Lục Sơn: Nước mưa bề mặt thoát vào các kênh tiêu, suối Nước Vàng sau đó vào sông Lục Nam. Diện tích lưu vực IV khoảng 15.227ha.

c) Định hướng phát triển hệ thống cấp nước:

Toàn bộ huyện Lục Nam được chia làm 06 phân vùng cấp nước:

- Phạm vi I: Bao gồm các thị trấn Đồi Ngô, Bảo Sơn và các xã Chu Điện, Tiên Nha, Bảo Đài, Thanh Lâm, Tam Dị. Tại khu vực này sẽ xây dựng 02 nhà máy nước xử lý nguồn nước sông Lục Nam, nhà máy nước đặt tại thị trấn Đồi Ngô có công suất 7.500 m³/ngđ (2030) và 15.000 m³/ngđ (2040) sẽ cấp nước cho khu vực thị trấn Đồi Ngô. Nhà máy nước đặt tại xã Tiên Nha có công suất 8.000 m³/ngđ (2030) và 16.000 m³/ngđ (2040) sẽ cấp nước cho các xã Chu Điện, Bảo Sơn, Tiên Nha, Bảo Đài, Thanh Lâm, Tam Dị và bổ sung một phần cho thị trấn Đồi Ngô. Dự kiến sẽ xây dựng các trạm bơm tăng áp sau: Trạm bơm tăng áp (TBTA) Chu Điện công suất 1.700 m³/ngđ (2030) và 2.500 m³/ngđ (2040); TBTA Bảo Sơn công suất 2.500 m³/ngđ (2030) và 3.500 m³/ngđ (2040); TBTA Bảo Đài công suất 1.500 m³/ngđ (2030) và 2.500 m³/ngđ (2040); TBTA Thanh Lâm công suất 1.500 m³/ngđ (2030) và 2.500 m³/ngđ (2040); TBTA Tam Dị công suất 2.500 m³/ngđ (2030) và 4.000 m³/ngđ (2040);

- Phạm vi II: Bao gồm thị trấn Phương Sơn và các xã Lan Mẫu, Khám Lạng, Bắc Lũng, Yên Sơn. Tại khu vực này sẽ xây dựng 01 nhà máy nước xử lý nguồn nước sông Lục Nam, công suất 15.000 m³/ngđ (2030) và 30.000 m³/ngđ (2040) để cấp nước cho sinh hoạt và nhu cầu nước cho các khu công nghiệp thuộc phạm vi này. Nhà máy nước đặt tại xã Yên Sơn. Dự kiến sẽ xây dựng các trạm bơm tăng áp sau: TBTA Phương Sơn công suất 2.000 m³/ngđ (2030) và 3.000 m³/ngđ (2040); TBTA Lan Mẫu công suất 2.000 m³/ngđ (2030) và 3.000 m³/ngđ (2040); TBTA Khám Lạng công suất 1.000 m³/ngđ (2030) và 2.000 m³/ngđ (2040); TBTA Bắc Lũng công suất 2.000 m³/ngđ (2030) và 3.000 m³/ngđ (2040);

- Phạm vi III: Bao gồm 02 xã Đông Hưng và Đông Phú. Tại khu vực này

sẽ xây dựng 01 nhà máy nước xử lý nguồn nước hồ Suối Nứa, công suất 3.000 m³/ngđ (2030) và 5.000 m³/ngđ (2040). Nhà máy nước đặt tại xã Đông Hưng. Dự kiến sẽ xây dựng TBTA Đông Phú công suất 1.500 m³/ngđ (2030) và 2.500 m³/ngđ (2040);

- Phạm vi IV: Bao gồm thị trấn Cẩm Lý và các xã Vũ Xá, Đan Hội. Tại khu vực này sẽ xây dựng 01 nhà máy nước xử lý nguồn nước sông Lục Nam, công suất 7.500 m³/ngđ (2030) và 15.000 m³/ngđ (2040) để cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp. Nhà máy nước đặt tại thị trấn Cẩm Lý. Dự kiến sẽ xây dựng TBTA Vũ Xá công suất 500 m³/ngđ (2030) và 1.000 m³/ngđ (2040); TBTA Đan Hội công suất 1.000 m³/ngđ (2030) và 1.500 m³/ngđ (2040);

- Phạm vi V: Bao gồm thị trấn Nghĩa Phương và các xã Vô Tranh, Trường Giang, Cương Sơn, Huyền Sơn. Tại khu vực này sẽ xây dựng 01 nhà máy nước xử lý nguồn nước sông Lục Nam, công suất 7.500m³/ngđ (2030) và 15.000 m³/ngđ (2040) để cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp. Nhà máy nước đặt tại xã Cương Sơn. Dự kiến sẽ xây dựng TBTA Nghĩa Phương công suất 3.500 m³/ngđ (2030) và 5.000 m³/ngđ (2040); TBTA Vô Tranh công suất 1.500 m³/ngđ (2030) và 2.500 m³/ngđ (2040); TBTA Trường Giang công suất 400 m³/ngđ (2030) và 800 m³/ngđ (2040); TBTA Huyền Sơn công suất 800 m³/ngđ (2030) và 1.500 m³/ngđ (2040);

- Phạm vi VI: Bao gồm thị trấn Bình Sơn và các xã Trường Sơn, Lục Sơn. Tại khu vực này sẽ xây dựng 03 nhà máy xử lý nước ngầm cho mỗi đơn vị hành chính. Nhà máy nước Trường Sơn công suất 1.000 m³/ngđ (2030) và 2.500 m³/ngđ (2040), nhà máy nước Lục Sơn công suất 1.000 m³/ngđ (2030) và 2.000 m³/ngđ (2040); nhà máy nước Bình Sơn công suất 1.700 m³/ngđ (2030) và 2.500 m³/ngđ (2040);

Nguồn nước: Định hướng là nước mặt, chủ yếu lấy từ sông Lục Nam, hồ Suối Nứa, hạn chế khai thác nước ngầm.

- Lâu dài sử dụng nguồn nước cấp từ dự án cấp nước DNP Bắc Giang, dự kiến tuyến ống cấp nước chính của các phạm vi cấp nước sẽ được kết nối với nhau hình thành hệ thống mạng vòng nhằm mục đích cấp nước ổn định và an toàn hơn;

- Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc phạm vi cấp nước nào sẽ được cấp nước chung với hệ thống cấp nước cho sinh hoạt.

d) Định hướng phát triển hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện 220kV:

+ Hiện tại huyện Lục Nam chưa có trạm 220kV theo quy hoạch, nguồn điện 110kV được cấp điện từ trạm 220kV Bắc Giang. Bổ sung thêm nguồn cấp điện từ nhà máy nhiệt điện An Khánh trên địa bàn xã Cẩm Lý và quy hoạch bổ sung nhà máy điện năng lượng mặt trời công suất 100MWP tại xã Khám Lạng giáp sông Lục Nam để tăng cường công suất cấp điện trên địa bàn huyện Lục Nam;

+ Để đảm bảo công suất cấp điện cho huyện Lục Nam, đặc biệt là các KCN Cẩm Lý, KCN Huyền Sơn, KCN - Đô thị - Dịch vụ Yên Sơn - Bắc Lũng định hướng cần xây dựng 01 trạm biến áp 220kV Lục Nam, đầu nối chuyển tiếp

trên đường dây 220kV Phả Lại - Bắc Giang, công suất 2x250MVA. Từ trạm 220kV Lục Nam sẽ xây dựng các đường dây 110kV cấp điện và kết nối các trạm 110kV khu vực.

- Lưới điện 110kV được thiết kế mạch vòng từ thanh cái 110kV của 2 trạm 220kV, hoặc cấp điện từ 2 phân đoạn thanh cái 110kV khác nhau của 1 trạm 220kV. Đường dây 110kV cấp điện đến trạm 110kV đảm bảo cung cấp điện an toàn ổn định và có độ dự phòng cho phát triển các năm tiếp theo;

- + Các đường dây trên không xây dựng mới hoặc cải tạo sử dụng cột thép nhiều mạch để tiết kiệm đất. Đường dây 110kV có thể được thiết kế đi chung cột với đường dây 220kV;

- + Khu vực trung tâm thành phố, khu đô thị mới hoặc các khu có tính chất đặc biệt về kinh tế, chính trị, xây dựng mới đường dây 110kV có thể dùng cáp ngầm, các trạm 110kV có thể dùng công nghệ GIS;

- + Lưới điện 110kV xây dựng mới có thể dùng dây dẫn trên không hoặc cáp ngầm có tiết diện $\geq 240\text{mm}^2$;

- + Các trạm biến áp được thiết kế với quy chuẩn lắp đặt ít nhất 2 máy biến áp, trong chế độ vận hành bình thường các trạm biến áp 110kV mang tải từ (75-80)% công suất. Phù hợp với mật độ phụ tải khu vực, chọn máy biến áp trạm 110kV có công suất định hình $\geq 40\text{MVA}$, các trạm khách hàng chuyên dùng tùy theo nhu cầu sử dụng sẽ chọn công suất gam máy thích hợp. Các khu vực sẽ cải tạo nâng cấp điện áp lưới điện trung áp lên 22kV hoặc 35kV thì các máy biến áp 110kV lắp đặt mới nhất thiết phải có đầu phân áp 22kV hoặc 35kV.

Trạm 110kV cấp điện cho khu vực:

Trạm 110kV hiện có: Hiện tại, cấp điện cho huyện Lục Nam là trạm biến áp 110kV Lục Nam, công suất 2x40MVA. Trạm 110kV Lục Nam theo quy hoạch vẫn giữ nguyên công suất để cấp điện cho huyện Lục Nam.

Trạm 110kV đã có trong Quy hoạch Phát triển Điện lực tỉnh Bắc Giang, chưa triển khai xây dựng:

Trạm biến áp 110kV Bắc Lũng (Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư): Công suất theo các quyết định điều chỉnh quy hoạch là 2x63MVA: Lắp MBA T1, công suất 40MVA năm 2021; Lắp đặt MBA T2 đưa vào vận hành năm 2022 và nâng công suất MBA T1 từ 40MVA lên 63MVA đưa vào vận hành năm 2023.

Trạm biến áp 110kV Lục Nam: Công suất theo quy hoạch là 2x25MVA, dự kiến đi vào vận hành năm 2025.

Các trạm 110kV dự kiến bổ sung để cấp điện cho huyện Lục Nam đến năm 2040:

Trạm 110kV Yên Sơn: Dự kiến công suất 2x63MVA, dự kiến cung cấp điện cho KCN – Đô thị- Dịch vụ Yên Sơn- Bắc Lũng diện tích khoảng 662ha.

Trạm 110kV Bắc Lũng 2: Dự kiến công suất 2x63MVA, dự kiến cung cấp điện cho KCN – Đô thị- Dịch vụ Yên Sơn- Bắc Lũng diện tích khoảng 662ha.

Trạm 110kV Cẩm Lý: Dự kiến công suất 3x63MVA, cung cấp điện cho KCN Cẩm Lý diện tích khoảng 444ha.

Trạm 110kV Huyền Sơn: Dự kiến công suất 2x63MVA, dự kiến cung cấp

điện cho KCN Huyện Sơn diện tích khoảng 270ha.

e) Định hướng phát triển hệ thống viễn thông thụ động, thông tin liên lạc, bưu chính:

- Xu hướng phát triển Viễn thông của huyện phải đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác. Hệ thống công nghệ, hạ tầng, mật độ thuê bao... phù hợp với sự phát triển chung của tỉnh Bắc Giang và của cả nước;

- Phát triển các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ là hạ tầng nền tảng kết nối số, đáp ứng các dịch vụ số mobile money, cung cấp các thông tin và giao dịch tiện ích thiết yếu (điện, nước...), dịch vụ công trực tuyến và các nhu cầu thông tin khác của mọi người dân trên địa bàn huyện;

- Đến năm 2030, tỷ lệ cột ăng ten không công kênh, kích thước nhỏ gọn, thân thiện với môi trường, ẩn vào các công trình kiến trúc và cảnh quan chiếm trên 80% tổng số cột ăng ten. 100% cột ăng ten tại trung tâm huyện, khu du lịch, di tích, khu đô thị mới, khu công nghiệp là cột ăng ten có thân thiện với môi trường, ngụy trang ẩn vào các công trình kiến trúc và cảnh quan;

- Tỷ lệ sử dụng chung cột ăng ten xây dựng mới giữa các doanh nghiệp đạt 70 - 80%. Ngầm hóa 40 - 50% hạ tầng mạng cáp viễn thông trên địa bàn; ngầm hóa mạng cáp viễn thông tại khu vực đô thị đạt 70 - 80% (tính đến hệ thống tủ cáp và thuê bao). Ngầm hóa mạng cáp viễn thông tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư mới và khu vực các tuyến đường xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy hoạch giao thông, xây dựng, đô thị đạt 100% (tính đến thuê bao);

- Hệ thống bưu chính: Giai đoạn đến năm 2030 xây dựng mã địa chỉ bưu chính; trước năm 2025, xây dựng mã địa chỉ bưu chính đến 100% hộ gia đình. Ứng dụng mã địa chỉ bưu chính đến từng gia đình cập nhật trên dữ liệu bản đồ số Việt Nam V-map. Điểm phục vụ bưu chính: Xây dựng mạng điểm phục vụ bưu chính phục vụ thương mại điện tử: Giai đoạn 2021 - 2025 xây dựng 01 điểm phục vụ bưu chính phục vụ thương mại điện tử. Giai đoạn 2026 - 2030 xây dựng 01 điểm phục vụ bưu chính phục vụ thương mại điện tử, ưu tiên phát triển điểm phục vụ tại những khu vực có nhu cầu sử dụng dịch vụ lớn, các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, khu vực có địa bàn rộng.

f) Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Nước thải:

- + Khu vực đô thị: Sử dụng hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với thoát nước mưa, sau đó đưa về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- + Khu vực nông thôn: Định hướng sẽ sử dụng hệ thống thoát nước chung. Tận dụng các ao, hồ sẵn có trong khu vực làng xã để làm sạch tự nhiên, hệ thống thoát nước phù hợp với điều kiện sống, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- + Khu vực công nghiệp: Sử dụng hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với thoát nước mưa, sau đó đưa về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt tiêu chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường mới được xả vào nguồn tiếp nhận.

- Định hướng quản lý chất thải rắn:

+ Toàn bộ lượng CTR sinh hoạt, công nghiệp phát sinh từ khu vực đô thị và nông thôn phải được thu gom đạt tỷ lệ 100%, sau đó sẽ vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của huyện để xử lý đạt các yêu cầu về môi trường, không gây ô nhiễm ra môi trường tự nhiên.

+ CTR sinh hoạt trước mắt, sử dụng các điểm xử lý CTR hiện nay của các thị trấn và các xã nhằm đáp ứng nhu cầu vệ sinh môi trường trong huyện. Theo định hướng quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, việc xử lý triệt để CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện sẽ được thực hiện tại khu liên hợp xử lý CTR của huyện có quy mô 10ha tại Nghĩa Phương và 10 ha tại Lan Mẫu được xây dựng để tái chế chất thải rắn. Khu xử lý CTR ở phía Đông thị trấn Đồi Ngô với quy mô khoảng 4,41ha phục vụ cho thị trấn Đồi Ngô và các xã phụ cận. Công nghệ xử lý được lựa chọn phải hiện đại và có chi phí đầu tư, chi phí vận hành thấp;

+ CTR công nghiệp của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải có điểm lưu giữ CTR công nghiệp và tổ chức phân loại tại nguồn, tận thu, tái sử dụng, trao đổi hoặc bán lại CTR có thể tái chế cho các cơ sở khác sử dụng để giảm giá thành sản phẩm. CTR công nghiệp còn lại được đưa đến xử lý tại khu liên hợp xử lý CTR đặt tại xã Nghĩa Phương;

+ CTR nông nghiệp trong các vùng sản xuất nông nghiệp (vùng trồng lúa, vùng trồng rau sạch, vùng trồng cây ăn quả có múi, vùng chăn nuôi tập trung...), sẽ quy hoạch hệ thống thu gom bao bì, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và xử lý theo trình tự chất thải rắn nguy hại;

+ CTR y tế được thu gom và vận chuyển đến khu liên hợp xử lý CTR Thăng Cương (huyện Yên Dũng) theo quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

- Định hướng quản lý nghĩa trang:

+ Khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, đóng cửa các nghĩa trang hiện trạng nằm trong ranh giới phát triển đô thị. Có kế hoạch thu hồi, giải tỏa khi có nhu cầu sử dụng đất;

+ Quy hoạch xây dựng công viên tâm linh xã Thanh Lâm giáp huyện Lạng Giang quy mô khoảng 50ha; Nghĩa trang vùng huyện tại núi Voi thuộc xã Tam Dị với quy mô khoảng 15ha;

+ Xây dựng nhà tang lễ cho thị trấn, quy mô khoảng 1 - 2 ha. Vị trí dự kiến tại khu vực phía Tây Bắc thị trấn Đồi Ngô. Khuyến khích người dân sử dụng công nghệ hỏa táng;

+ Khu vực nông thôn: Các nghĩa trang phân tán, có quy mô nhỏ, không đủ khoảng cách ly, hoặc nằm trong quy hoạch sử dụng đất phải có kế hoạch đóng cửa, trồng cây xanh cách ly, khi có nhu cầu sử dụng đất có thể di chuyển đến nghĩa trang tập trung. Các nghĩa trang hiện có đủ điều kiện tồn tại, còn diện tích sử dụng sẽ tiếp tục phục vụ cho nhu cầu của người dân. Khuyến khích người dân sử dụng hỏa táng và an táng tại nghĩa trang tập trung của khu vực.

8. Định hướng bảo vệ môi trường.

a) Phân vùng bảo vệ môi trường: Phân vùng bảo vệ môi trường của khu vực phát triển đô thị; khu vực nông thôn; khu vực phát triển công nghiệp; khu vực phát triển văn hóa, du lịch; khu vực nông nghiệp; khu vực đất lâm nghiệp.

b) Quy định về môi trường đối với từng khu vực:

- Cụm công nghiệp, diện tích cây xanh được bố trí trong từng cơ sở công nghiệp với diện tích lớn, tạo khoảng cách ly vệ sinh với khu dân cư;

- Khu vực xây dựng nghĩa trang tập trung, khu vực xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn phải đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường;

- Hệ thống xử lý nước thải: vùng đệm khu xử lý nước thải sẽ xây dựng hàng rào quanh công trình, trồng cây xanh với chiều rộng tối thiểu 10m.

9. Các dự án ưu tiên đầu tư.

Ưu tiên đầu tư xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí huyện nông thôn mới đối với các xã chưa đạt chuẩn, các tiêu chí huyện nông thôn mới và các dự án hạ tầng khung diện rộng, các công trình đầu mối đảm bảo kết nối các khu vực phát triển đô thị và nông thôn; Ưu tiên các dự án đầu tư phát triển cho khu vực đô thị giữ vai trò chủ chốt (TT Đồi Ngô, TT Phương Sơn...) khu vực các xã có CCN, khu di tích lịch sử... để làm động lực phát triển kinh tế của huyện. Các dự án chỉnh trang, nâng cấp công trình hạ tầng xã hội (công trình công cộng, công viên, cây xanh...) nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo...

10. Các nội dung khác: Theo Báo cáo số 244/TTr-UBND ngày 10/12/2019 của Sở Xây dựng và hồ sơ Quy hoạch đã thẩm định.

Điều 2. UBND huyện Lục Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lục Nam và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, XD;
- Lưu VT, XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích